

Bản án số: 939/2022/HNGĐ-ST

Ngày 11 - 8 - 2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Huy Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Sỹ

2. Ông Phạm Ngọc Đông

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Trần Thị Thoa - Thư ký Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn.

- Đại diện VKSND Tp. Quy Nhơn tham gia phiên tòa: Bà Tô Thị Bích Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn - tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 902/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 204/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/7/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Ngọc T1, sinh năm: 1970

Trú tại: 81/29 đường M, thành phố QN, tỉnh BĐ.

- Bị đơn: Chị Phạm Thị T2, sinh năm: 1970

Trú tại: 218/7 đường Đ, thành phố QN, tỉnh BĐ.

(Anh T1, chị T2 có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc T1 trình bày:**

Anh T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tuy nhiên, theo đơn khởi kiện đề ngày 01/6/2022 và các lời khai tiếp theo anh T1 trình bày: Anh và chị Phạm Thị T2 được hai bên gia đình cho phép tổ chức cưới, hỏi theo phong tục và chung sống với nhau từ đầu năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống giữa anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Đến năm 2000 mâu thuẫn xảy ra gay gắt, không thể hàn gắn nên anh chị đã sống ly thân từ đó đến nay, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Vì vậy, anh đề nghị Tòa giải quyết cho anh được ly hôn chị T2.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Vương L, sinh ngày 13/11/1998 và Nguyễn Anh T, sinh ngày 12/02/2005. Hiện nay các cháu đang sống với chị, sức khỏe tốt. Ly hôn anh tự nguyện giao cháu T cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng; Việc cấp dưỡng nuôi cháu T, anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết. Riêng cháu L đã trưởng thành và tự lập được nên anh không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa giải quyết.

*** Bị đơn chị Phạm Thị T2:**

Chị T2 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tuy nhiên, theo bản khai ngày 06/7/2022 và các lời khai tiếp theo chị T2 trình bày: Chị thống nhất về tình trạng hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn như anh T1 đã trình bày. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2000 đến nay, mạnh ai nấy sống và không có khả năng đoàn tụ. Vì vậy, nay anh T1 đề nghị ly hôn chị đồng ý. Về con chung, chị thống nhất anh chị có 02 con chung như anh T1 trình bày. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T. Việc cấp dưỡng nuôi cháu T, anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết. Riêng cháu L đã trưởng thành và tự lập được nên chị không yêu cầu Tòa giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung, chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của BLTTDS kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án. Trong quá trình giải quyết, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, Điều 72 BLTTDS. Về việc giải quyết vụ án, KSV đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 9, 14, 15, 16, 53 và Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình 2014: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Ngọc T1 và chị Phạm Thị T2; Giao cháu Nguyễn Anh T cho chị T2 trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Ngọc T1 và chị Phạm Thị T2 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án (theo khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự).

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Ngọc T1 và chị Phạm Thị T2 tự nguyện chung sống với nhau từ đầu năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn. HĐXX xét: Anh T1, chị T2 có đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật nhưng anh chị không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng (theo khoản 1 Điều 14 Luật HNGĐ 2014). Nay anh T1 và chị T2 phát sinh mâu thuẫn, anh Trung có đơn yêu cầu ly hôn thì Tòa án vẫn thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng (theo Điều 53 Luật HNGĐ 2014).

[2.2] Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, anh chị có 02 con chung là các cháu Nguyễn Vương L, sinh ngày 13/11/1998 và Nguyễn Anh T, sinh ngày 12/02/2005. HĐXX xét: Cháu T hiện đang sống với chị T2 và được đảm bảo tốt về mọi mặt, cháu T có nguyện vọng ở với mẹ, anh T1 và chị T2 cũng thỏa thuận chị T2 trực tiếp nuôi dưỡng cháu T. Vì vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu của các đương sự, giao cháu T cho chị T2 trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chị T2 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu T nên Tòa không xem xét giải quyết. Riêng cháu L, hiện nay đã trưởng thành, tự lập. Anh chị không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản: Anh T, chị T không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; anh T1 phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ sơ thẩm.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53, Điều 81 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Ngọc T1 và chị Phạm Thị T2.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung là cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 12/02/2005 cho chị Phạm Thị T2 được trực tiếp nuôi dưỡng.

Riêng cháu Nguyễn Vương L, sinh ngày 13/11/1998, hiện nay đã trưởng thành, tự lập nên HĐXX không xem xét giải quyết.

2.2. Chị T2 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu T nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được ngăn cản. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản

trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên đều có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: Không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Ngọc T1 phải chịu 300.000đ án phí HNGĐ sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004186 ngày 06/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Quy Nhơn. Anh T1 đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS Tp. QN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Thị Huy Huệ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA